

3

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 234a/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo
Đại học chính quy Khoa 4 – Hệ đại trà (niên khoá 2013 – 2017)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12/5/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HVCSPT ngày 06/5/2013 của Giám đốc Học viện về việc sửa đổi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết nghị Hội đồng Khoa học – Đào tạo năm 2013 của Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Chương trình đào tạo áp dụng cho Khoa 4– Hệ đại trà - Đại học chính quy tập trung của Học viện Chính sách và Phát triển” (Có chương trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu phát sinh những vấn đề điều chỉnh, Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo đề nghị Giám đốc Học viện xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (02 bản).



PGS, TS. Đào Văn Hùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR ECONOMICS MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 234^q/QĐ-HVCSPT ngày 01 tháng 7 năm 2013
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế hoạch phát triển được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương.

1.2.2. Về kỹ năng: Có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Có thể làm việc tại các quỹ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư, phát triển; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; các cơ quan quản lý nhà nước về Kinh tế - Xã hội từ Trung ương đến địa phương; các tổ chức quốc tế; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách Kinh tế - Xã hội.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	120-140 tín chỉ
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	26 tín chỉ
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	44 tín chỉ
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	3 tín chỉ
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	11 - 12 tín chỉ
<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	40 - 42 tín chỉ
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	6 tín chỉ
Tổng số tín chỉ:	130 - 133 tín chỉ

**8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN**

STT		HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			130-133	
A	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể GDTC & GDQP)		40-42	
I	Kiến thức bắt buộc		32/33	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II	Kiến thức lựa chọn chung của Học viện		8/9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		80/81	
I	Kiến thức bắt buộc của Học viện		26	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đầu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Chính sách công	3	
24	8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
II.1	Kiến thức chung của ngành		18	
25	1	Kinh tế vi mô 2	3	
26	2	Kinh tế vĩ mô 2	3	
27	3	Kinh tế môi trường	3	

28	4	Pháp luật kinh tế	3	
29	5	Kinh tế công cộng	3	
30	6	Kinh tế đầu tư	3	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		11-12	
31	1	Tài chính doanh nghiệp	2	
		Quản lý tài chính công		
32	2	Quản lý khu vực công	3	
		Quản lý khu vực công	2	
		Hành chính công		
33	3	Kinh tế quốc tế	2	
		Thương mại quốc tế		
34	4	Quản trị học	2	
		Phân tích hoạt động kinh doanh		
35	5	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	3	
		Địa lý kinh tế		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		25	
II.3.a	Kiến thức bắt buộc		22	
36	1	Kế hoạch phát triển	3	
37	2	Quản trị chiến lược	3	
38	3	Đầu tư công	3	
39	4	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	4	
40	5	Thẩm định và giám sát dự án đầu tư	3	
41	6	Kinh tế phát triển	4	
42	7	Hệ thống tài khoản quốc gia	2	
II.3.b	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
43	1	Kế toán tài chính	3	
	2	Phân tích báo cáo tài chính		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
44	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
45	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Nghiên cứu thị trường	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
	-	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	-	Thuế	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR PUBLIC POLICY MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 2013
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310205
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	CHÍNH SÁCH CÔNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Chính sách công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những khái niệm, kiến thức, và kỹ năng cơ bản của quy trình chính sách; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, được trang bị các kỹ năng mềm, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân chuyên ngành Chính sách Công có nền tảng kiến thức cơ bản, hệ thống và hiện đại theo chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới về Chính sách Công; được trang bị những kiến thức cơ bản về hoạch định, phân tích, và đánh giá chính sách trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; nền tảng kiến thức vững chắc để tham gia phản biện chính sách, đề xuất các ý tưởng, giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường công tác quản lý vĩ mô; có thể xác định được bản chất và các khía cạnh then chốt của chính sách công, trên cơ sở đó tìm ra những luận cứ khoa học trong việc hoạch định và thực thi chính sách.

1.2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng nghiên cứu, hoạch định và phản biện về chính sách công, đặc biệt là các chính sách về kinh tế; phân tích, đánh giá các chính sách, đề xuất các giải pháp quản lý kinh tế; có năng lực tốt trong tư duy phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển ngành, lĩnh vực; ứng dụng các mô hình kinh tế trong việc kiểm định, đánh giá, điều chỉnh và dự báo chính sách.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình, sáng tạo và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có chức năng hoạch định và thực thi chính sách công; các cơ quan của nhà nước và tổ chức xã hội từ trung ương đến địa phương về lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội, trong các loại hình doanh nghiệp; các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước

từ trung ương đến địa phương; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về kinh tế, quản lý nhà nước.

1.2.5.Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	120-140 tín chỉ
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	24 tín chỉ
<i>7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	51 tín chỉ
<i>7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	3 tín chỉ
<i>7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	10 tín chỉ
<i>7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	40 - 42 tín chỉ
<i>7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:</i>	6 tín chỉ
Tổng số tín chỉ:	134 - 136 tín chỉ

**8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CHUYÊN NGÀNH CHÍNH SÁCH CÔNG**

STT		HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			134-136	
A	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể GDTC & GDQP)		40-42	
I	Kiến thức bắt buộc		32/33	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II	Kiến thức lựa chọn chung của Học viện		8/9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		84	
I	Kiến thức bắt buộc của Học viện		23	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đấu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
II.1	Kiến thức chung của ngành		28	
24	1	Kinh tế vi mô 2	3	
25	2	Kinh tế vĩ mô 2	3	
26	3	Xã hội học	3	
27	4	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	
28	5	Kinh tế công cộng	3	
29	6	Quản lý tài chính công	3	
30	7	Pháp luật kinh tế	3	

31	8	Luật và chính sách công	3	
32	9	Chính sách công	4	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành		10	
	(SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)			
33	1	Tài chính doanh nghiệp	2	
		Thuế		
34	2	Kinh tế đầu tư	3	
		Thẩm định và giám sát các dự án đầu tư		
35	3	Quản trị học	2	
		Phân tích hoạt động kinh doanh		
36	4	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	3	
		Địa lý Kinh tế		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		23	
II.3.a	Kiến thức bắt buộc		20	
37	1	Quản lý khu vực công	3	
38	2	Phân tích chính sách	4	
39	3	Chính sách nhân lực	3	
40	4	Hành chính công	3	
41	5	Chính sách xã hội	3	
42	6	Chính sách kinh tế	4	
II.3.b	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
43	1	Đầu tư công	3	
	2	Kinh tế phát triển		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
44	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
45	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Nghiên cứu thị trường	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
	-	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	-	Thuế	3	
	-	Phân tích báo cáo tài chính	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR ECONOMICS MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 2344/QĐ-HVCSPT ngày 11 tháng 9 năm 2013
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế chuyên ngành Quy hoạch phát triển có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quy hoạch phát triển được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương.

1.2.2. Về kỹ năng: Có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Có thể làm việc tại các cơ quan của nhà nước và tổ chức xã hội từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế, trong các loại hình doanh nghiệp; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

1.2.5.Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

- 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 120-140 tín chỉ
- 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 6. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:* 25 tín chỉ
- 7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:* 47 tín chỉ
- 7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:* 3 tín chỉ
- 7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:* 9 - 11 tín chỉ
- 7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:* 40 - 42 tín chỉ
- 7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:* 6 tín chỉ
- Tổng số tín chỉ:** 130 - 134 tín chỉ

**8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN**

STT		HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			130-134	
A	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể GDTC & GDQP)		40-42	
	I Kiến thức bắt buộc			32/33
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II Kiến thức lựa chọn chung của Học viện			8/9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
B Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			80/82	
I Kiến thức bắt buộc của Học viện			26	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đấu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Chính sách công	3	
24	8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
II.1 Kiến thức chung của ngành			21	
25	1	Kinh tế đầu tư	3	
26	2	Kinh tế vi mô 2	3	
27	3	Kinh tế vĩ mô 2	3	
28	4	Kinh tế môi trường	3	

29	5	Pháp luật kinh tế	3	
30	6	Kế hoạch phát triển	3	
31	7	Kinh tế công cộng	3	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		9/11	
32	1	Tài chính doanh nghiệp	2	
		Quản lý tài chính công		
33	2	Kinh tế quốc tế	2	
		Thương mại quốc tế		
34	3	Quản lý khu vực công	3	
		Quản lý khu vực công	2	
		Hành chính công		
35	4	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	4	
		Địa lý kinh tế	3	
3	Kiến thức chuyên ngành		24	
II.3.	Kiến thức bắt buộc		21	
36	1	Quy hoạch phát triển	4	
37	2	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	
38	3	GIS ứng dụng trong quy hoạch phát triển	4	
39	4	Tổ chức lãnh thổ kinh tế	4	
40	6	Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực	3	
41	7	Phát triển bền vững	3	
II.3	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
42	1	Đầu tư công	3	
	2	Thẩm định, đánh giá dự án đầu tư		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
43	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
44	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Nghiên cứu thị trường	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
	-	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	-	Thuế	3	
	-	Phân tích báo cáo tài chính	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR INTERNATIONAL ECONOMICS
MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 234/QĐ-HVCSPT ngày 01 tháng 8 năm 2013
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO :	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành kinh tế quốc tế có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế. Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt. Có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội nói chung, các kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu kỹ năng: Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý liên quan đến lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Đảm nhiệm các vị trí chuyên môn tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; các khu chế xuất, khu công nghiệp; các tổ chức tài chính; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các tổ chức quốc tế; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về kinh tế, kinh tế quốc tế.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 120-140 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo

6. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 23 tín chỉ

7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 45 tín chỉ

7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 3 tín chỉ

7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 11 - 12 tín chỉ

7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương: 40 - 42 tín chỉ

7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Tổng số tín chỉ: ***128 - 131 tín chỉ***

**8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

STT		HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			128-131	
A	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể GDTC & GDQP)		40-42	
	I Kiến thức bắt buộc		32/33	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II		Kiến thức lựa chọn chung của Học viện	8/9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
B		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	78/79	
I		Kiến thức bắt buộc của Học viện	26	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đầu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Chính sách công	3	
24	8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
II.1		Kiến thức chung của ngành	19	
25	1	Kinh tế vi mô 2	3	
26	2	Kinh tế vĩ mô 2	3	
27	3	Pháp luật kinh tế	3	
28	4	Kinh tế phát triển	3	

29	5	Kinh tế quốc tế	4	
30	6	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		11/12	
31	1	Tài chính doanh nghiệp	2	
		Quản lý tài chính công		
32	2	Quản lý khu vực công	3	
		Quản lý khu vực công	2	
		Hành chính công		
33	3	Kinh tế đầu tư	2	
		Thẩm định và giám sát các dự án đầu tư		
34	4	Quản trị học	2	
		Phân tích hoạt động kinh doanh		
35	5	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	3	
		Địa lý kinh tế		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		22	
II.3.a	Kiến thức bắt buộc		19	
36	1	Đầu tư quốc tế	4	
37	2	Đàm phán kinh tế quốc tế	3	
38	3	Pháp luật kinh tế quốc tế	3	
39	4	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	3	
40	5	Tài chính quốc tế	3	
41	6	Thương mại quốc tế	3	
II.3.b	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
42	1	Toàn cầu hóa và các rủi ro	3	
	2	Marketing quốc tế		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
43	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
44	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Phân tích báo cáo tài chính	3	
	-	Thuế	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	-	Nghiên cứu thị trường	3	
	-	Thẩm định và giám sát các dự án đầu tư	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR BUSINESS MANAGEMENT MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 2344/QĐ-HVCSPT ngày 01 tháng 9 năm 2013
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.2.2. Về kỹ năng: Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: làm việc tại các loại hình doanh nghiệp; các cơ quan quản lý cấp bộ, ngành và địa phương với các vị trí liên quan đến quản lý và phát triển doanh nghiệp; các viện nghiên cứu về phát triển doanh nghiệp; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp về kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc tự khởi sự và vận hành một doanh nghiệp;

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

- 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 120-140 tín chỉ
- 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
- 6. THANG ĐIỂM:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 26 tín chỉ
- 7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 43 tín chỉ
- 7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn: 3 tín chỉ
- 7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn: 11 - 12 tín chỉ
- 7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương: 40 - 42 tín chỉ
- 7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp: 6 tín chỉ
- Tổng số tín chỉ: 129 - 132 tín chỉ**

8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

STT		HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			129-132	
A	Kiến thức giáo dục đại cương		40-42	
	(Không kể GDTC & QDQP)			
I	Kiến thức bắt buộc		32/33	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II	Kiến thức lựa chọn chung của Học viện		8/9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		79/80	
I	Kiến thức bắt buộc của Học viện		26	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đầu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Chính sách công	3	
24	8	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	
II.1	Kiến thức chung của ngành		17	
25	1	Marketing căn bản	3	
26	2	Quản trị nhân lực	3	

27	3	Pháp luật kinh tế	3	
28	4	Kinh tế công cộng	3	
29	5	Kinh tế vi mô 2	3	
30	6	Quản trị học	2	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành		11/12	
	(SV tự chọn 1 học phần trong môi tô hợp)			
31	1	Ngân hàng thương mại	2	
		Kế toán tài chính		
32	2	Quản lý khu vực công	3	
		Quản lý khu vực công	2	
		Hành chính công		
33	3	Kinh tế đầu tư	2	
		Kinh tế phát triển		
34	4	Kinh tế quốc tế	2	
		Thương mại quốc tế		
35	5	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	3	
		Địa lý kinh tế		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		25	
II.3.	Kiến thức bắt buộc		22	
36	1	Quản trị chiến lược	3	
37	2	Quản trị tài chính	3	
38	3	Quản trị dự án đầu tư	3	
39	4	Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	4	
40	5	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	
41	6	Nghiên cứu thị trường	3	
42	7	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
II.3	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
43	1	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	2	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
44	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
45	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Thẩm định và giám sát các dự án đầu tư	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Thuế	3	
	-	Phân tích báo cáo tài chính	3	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR FINANCE - BANKING MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 2341/QĐ-HVCSPT ngày 07 tháng 8 năm 20
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	52340201
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO:	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	TÀI CHÍNH CÔNG

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học về Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về hoạt động của các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán, hoạt động tài chính khu vực nhà nước, hoạt động tài chính quốc tế và tài chính của các doanh nghiệp; nắm vững kiến thức về cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường; có khả năng nghiên cứu, phân tích và đánh giá, đề xuất chính sách về hoạt động và sự phát triển của hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế.

1.2.2. Về kỹ năng: Có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày.

1.2.3. Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; chấp hành pháp luật nhà nước; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Chuyên viên ở tất cả các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về Tài chính – Ngân hàng từ trung ương đến địa phương; chuyên viên trong các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính: quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty chứng khoán, ngân hàng, quỹ tín dụng...; giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trường đại học và các tư vấn viên trong các tổ chức tài chính khác.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	4 năm
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	120-140 tín chỉ
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
6. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ
7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
7.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:	27 tín chỉ
7.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:	51 tín chỉ
7.3. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:	3 tín chỉ
7.4. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:	6 - 10 tín chỉ
7.5. Kiến thức Giáo dục đại cương:	41 - 44 tín chỉ
7.6. Kiến thức lựa chọn tốt nghiệp:	6 tín chỉ
Tổng số tín chỉ:	137 - 139 tín chỉ

**8. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG**

STT	HỌC PHẦN		SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			137-139	
A	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể GDTC & GDQP)		41-44	
I	Kiến thức bắt buộc		32/33	
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (Nguyên lý 1)	3	
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (Nguyên lý 2)	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	5	Tiếng Anh tổng quát 1	4	
6	6	Tiếng Anh tổng quát 2	4	
7	7	Toán cao cấp 1	2	
8	8	Toán cao cấp 2	2	
9	9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
10	10	Pháp luật đại cương	3	
11	11	Tin học đại cương	3	
12	12	Giáo dục thể chất	5	
13	13	Giáo dục quốc phòng	8	
II	Kiến thức lựa chọn chung của Học viện		9	
14	1	Kinh tế vi mô 1	3	
15	2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
16	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		86/87	
I	Kiến thức bắt buộc của Học viện		23	
17	1	Kinh tế lượng	3	
18	2	Nguyên lý kế toán	3	
19	3	Tiếng Anh tổng quát 3	4	
20	4	Tiếng Anh tổng quát 4	4	
21	5	Những vấn đề cơ bản về đấu thầu	3	
22	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	
23	7	Chính sách công	3	
II.1	Kiến thức chung của ngành		28	
24	1	Toán tài chính	3	
25	2	Kinh tế Vi 2	3	
26	3	Kinh tế vĩ 2	3	
27	4	Pháp luật kinh tế	3	
28	5	Lý thuyết tài chính tiền tệ	4	

29	6	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	
		Thị trường chứng khoán		
30	7	Tài chính quốc tế	3	
31	8	Tài chính doanh nghiệp	3	
32	9	Kinh tế công cộng	3	
II.2	Kiến thức lựa chọn của ngành SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)		9/10	
33	1	Quản lý khu vực công	3	
		Quản lý khu vực công	2	
		Hành chính công		
34	2	Kinh tế đầu tư	2	
		Kinh tế quốc tế		
35	3	Quản trị học	2	
		Đầu tư công		
36	4	Địa lý kinh tế Việt Nam và thế giới	3	
		Địa lý kinh tế		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		26	
II.3.a	Kiến thức bắt buộc		23	
37	1	Kế toán tài chính	3	
38	2	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
39	3	Quản lý tài chính công	4	
40	4	Nguyên lý đầu tư	3	
41	5	Phân tích báo cáo tài chính	3	
42	6	Thuế	3	
43	7	Ngân hàng thương mại	4	
II.3.b	Kiến thức tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)		3	
44	1	Thẩm định và giám sát các dự án đầu tư	3	
	2	Quản trị CL		
C	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	
45	1	Thực tập tốt nghiệp	4	
46	2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc sinh viên học 02 trong các học phần sau	6	
	-	Nghiên cứu thị trường	3	
	-	Thanh toán quốc tế	3	
	-	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
	-	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	